

Số: 38 /VTNN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DOC
- Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251) 3836 270 – 3833 289 Fax: (0251) 3836 270 – 3833 289
- E-mail: docambh@vnn.vn
- Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Anh Thy- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin: **Báo cáo thường niên 2022** của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mục quan hệ cổ đông tại đường dẫn “ docam.vn/tai-lieu-van-ban/”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên 2022
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

**Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật**



Phan Thị Anh Thy



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI



2022

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

MỤC LỤC

04

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 07 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 08 Lịch sử hình thành và phát triển
- 10 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 13 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

20

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 36 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 38 Tình hình tài chính
- 42 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

46

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 48 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 50 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 54 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

58

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 61 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 62 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

64

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 70 Ban kiểm soát
- 73 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

76

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 78 Ý kiến kiểm toán
- 80 Báo cáo tài chính





1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

- **Tên Công ty** Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
- **Tên Tiếng Anh** Dong Nai Joint Stock Company Of Agricultural Material
- **Tên viết tắt** DOCAM
- **Mã cổ phiếu** DOC
- **Vốn điều lệ** 100.000.000.000 đồng
- **Trụ sở chính** Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- **Điện thoại** 0251 3836 074
- **Fax** 0251 3836 270
- **Website** www.docam.vn
- **Giấy CN ĐKDN** Số 3600333736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/03/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 08/07/2020



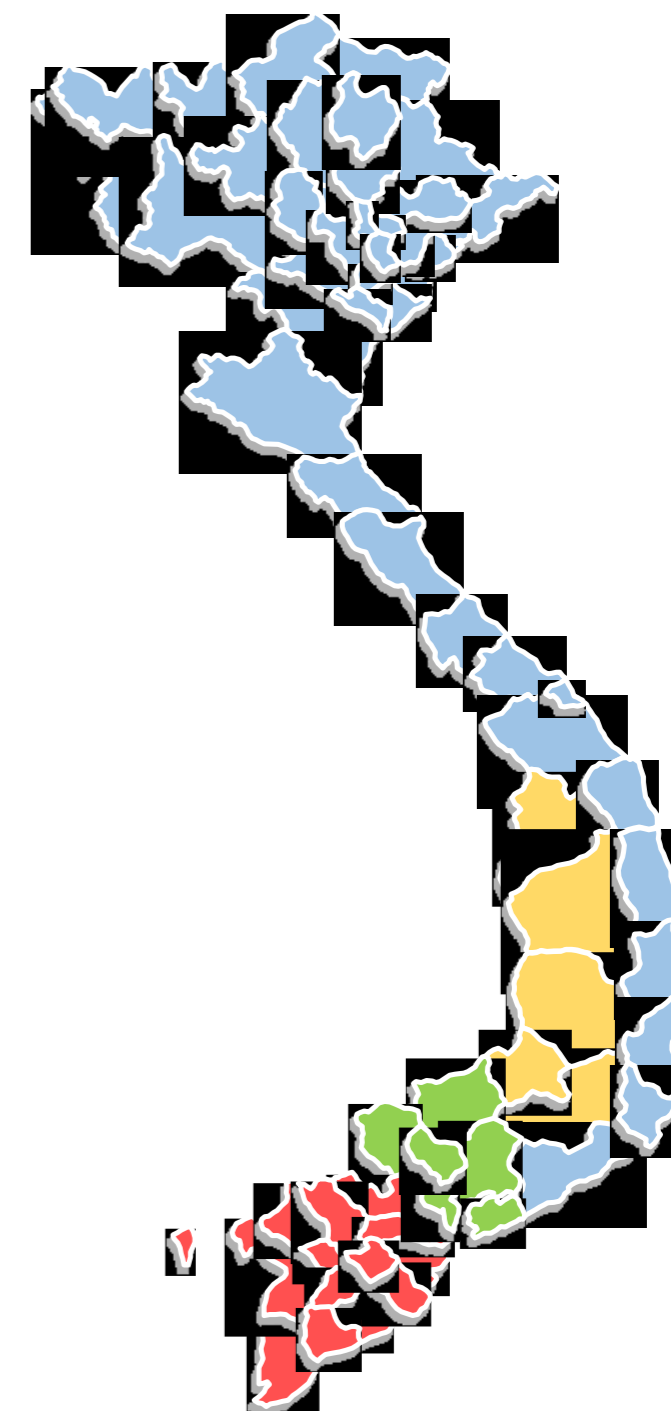
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- » **Kinh doanh phân bón:** Bán buôn phân bón;
- » **Kinh doanh nông sản:** Bán buôn nông sản nguyên liệu, giống cây trồng;
- » **Dịch vụ cho thuê kho xưởng.**

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu tại khu vực:

- **Đông Nam Bộ**
- **Tây Nam Bộ**
- **Tây Nguyên**



Tháng 12/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 5939/QĐ.CT.UBT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước), chủ sở hữu của Công ty là UBND tỉnh Đồng Nai.

Tháng 11/2009, theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

Tháng 01/2011, ngày 26/01/2011, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

Tháng 07/2020, Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6.

Đến nay, Công ty liên tục củng cố và nâng cao vị thế tăng trưởng trên thị trường phân bón nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động trong năm cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.



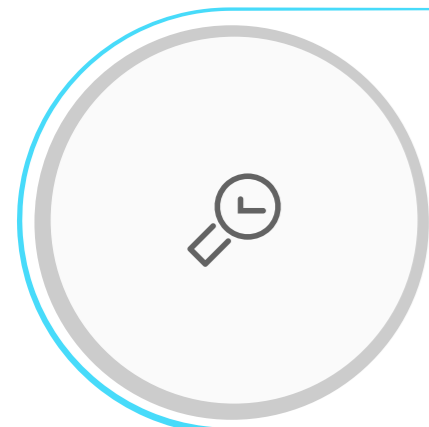
Tháng 06/2005, theo quyết định số 2339/QĐ-UBND, UBND tỉnh Đồng Nai thành lập Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai là công ty thành viên, hạch toán độc lập, dưới sự quản lý của đại diện chủ sở hữu là Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Tháng 03/2010, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

Tháng 12/2016, cổ phiếu Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch với mã chứng khoán là DOC, ngày giao dịch đầu tiên 19/12/2016, giá tham chiếu 11.000 đồng/cổ phiếu..

Tháng 04/2023, Công ty định hướng phát triển mảng kinh doanh bán buôn hóa chất.

Mô hình quản trị

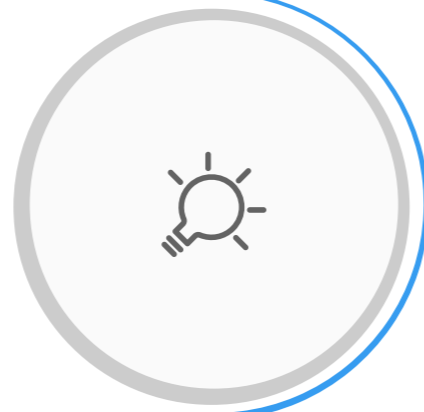


ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan thông qua chủ trương chính sách, quyết định chiến lược trung và dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần.

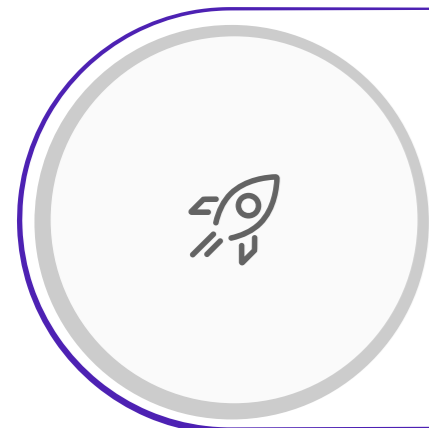
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, đề ra định hướng, chủ trương chính sách phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định trong Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị kiến nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm 03 thành viên.



BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật. Ban kiểm soát hiện tại của Công ty gồm 03 thành viên.

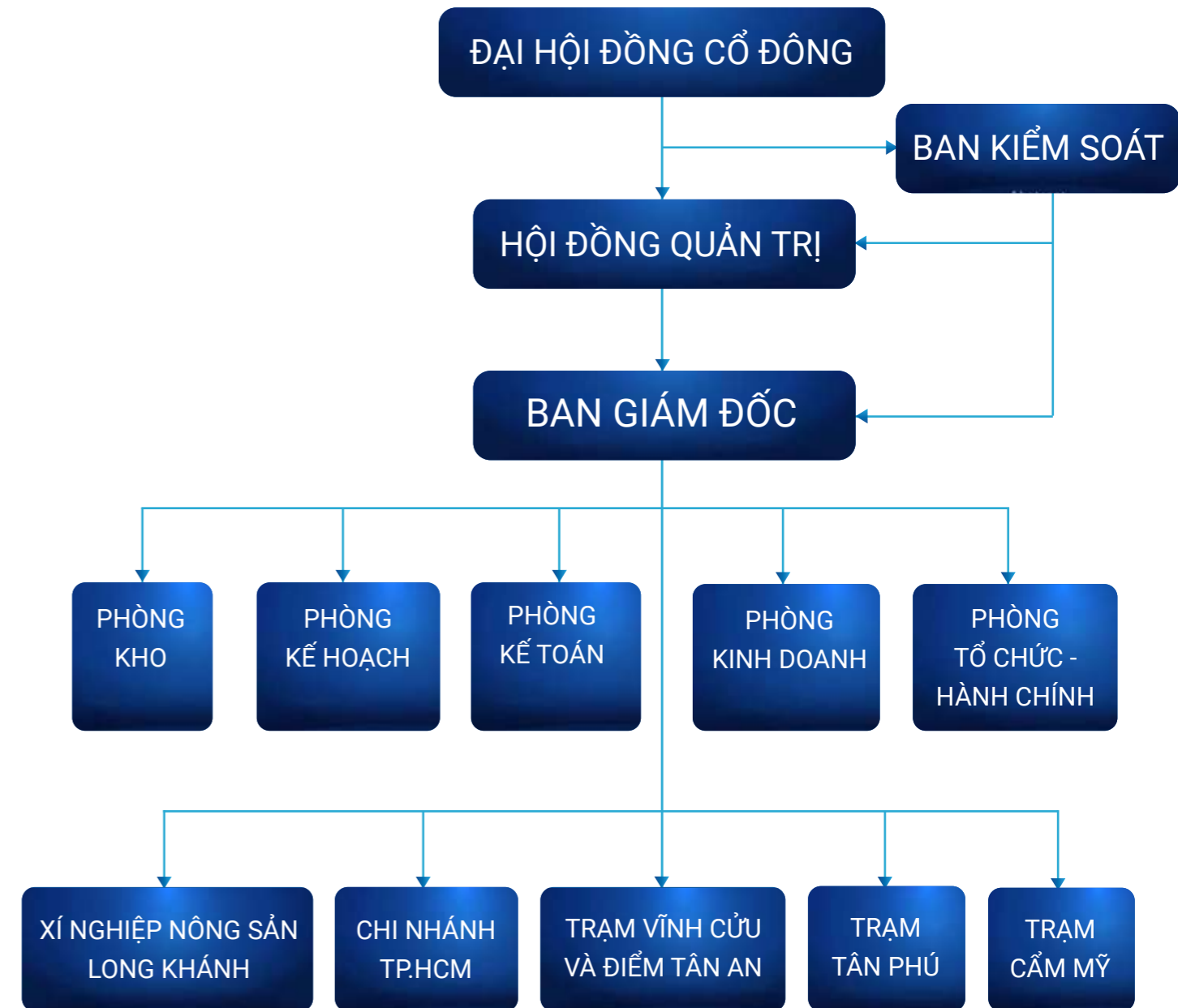


BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, sử dụng các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị giao phó. Ban Giám đốc hiện tại của Công ty gồm 02 thành viên.



Bộ máy quản lý



Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai không có Công ty Con, Công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Tân Phú	Quốc Lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Quốc Lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Ấp Láng Lớn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Tỉnh lộ 768, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai	629 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi làm nền tảng duy trì và phát triển.
- » Tùy theo điều kiện thị trường, mở rộng việc kinh doanh nông sản và phân bón hữu cơ nhằm bù đắp sản lượng phân bón hóa học tiêu thụ ngày càng ít đi do nhu cầu thực phẩm sạch/ hữu cơ tăng lên.
- » Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty.
- » Theo quyết định phê duyệt của Thủ Tướng Chính phủ, Khu công nghiệp Biên Hòa 1 đã được đưa ra khỏi Danh sách quy hoạch Khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020. Đây là cơ sở pháp lý ban đầu để Nhà nước thực hiện việc di dời các Nhà máy hiện hữu ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 nhằm chuyển đổi công năng thành Khu thương mại dịch vụ, tài chính... Theo lộ trình việc di dời các Nhà máy được triển khai từ năm 2022. Do vậy, Công ty đang cân nhắc giữa phương án đầu tư xây dựng mới trụ sở văn phòng Công ty và kho bãi hoặc phương án thuê cơ sở vật chất để chuyển đi khi phải di dời khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- » DOCAM luôn đồng hành cùng với nhà nông. Công ty luôn chia sẻ và hợp tác với các đối tác, khách hàng để đôi bên cùng có lợi.
- » Công ty luôn coi trọng và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết trong quá trình kinh doanh.
- » Công ty luôn ưu tiên mục tiêu vì môi trường trong quá trình hoạt động. Quá trình hoạt động của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn về môi trường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác của địa phương.
- » Đảm bảo mục tiêu phát triển Công ty đi đôi với việc đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội. Hằng năm, Công ty trích một phần lợi nhuận, quỹ phúc lợi nhằm tài trợ cho các chương trình hoạt động vì xã hội, cộng đồng nơi Công ty đặt trụ sở chính như: đóng góp quỹ xây dựng nhà tình thương, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ an ninh quốc phòng, quỹ phòng chống thiên tai tại địa phương,...



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022, nền kinh tế của các quốc gia trong đó có Việt Nam đối mặt với nhiều biến động từ sự bất ổn của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, chiến tranh Nga – Ukraine cùng những lệnh trừng phạt giữa phương Tây và Nga, cuộc khủng hoảng năng lượng đã làm nguồn cung ứng Urê, Kali bị ngưng trệ, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, chi phí vận chuyển tăng cao làm nhiều mặt hàng như dầu, phân bón tăng giá mạnh.

Theo Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam vẫn ổn định, duy trì mức lạm phát dưới 4% và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 8,02%; trong đó, ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,36% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù có sự tăng trưởng nhưng ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn đang

đối mặt với nhiều vấn đề như diện tích đất canh tác bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, thời tiết thất thường (bão, xâm ngập mặn,...), nguồn cung Kali bị hạn chế, giá dầu và chi phí logistics tăng làm giá phân bón tăng kỷ lục. Trong khi đó, giá nông sản giảm, chi phí đầu vào tăng khiến nông dân không đầu tư hoặc hạn chế bón phân cho cây trồng, dẫn đến sức mua phân bón sụt giảm mạnh. Điều này đã tác động đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành phân bón thương mại nói chung và DOCAM nói riêng.

Bên cạnh đó, xung đột Nga và Ukraine đã khiến nguồn cung ngũ cốc toàn cầu bị gián đoạn, làm giá nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi trên thế giới tăng cao, nguồn cung lúa mì từ khu vực này bị đứt gãy. Điều đó, làm cho

giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, người dân không tái đàn nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng kinh doanh nông sản của Công ty.

Trước thực trạng nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty đã luôn theo sát và cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, lên các kế hoạch chi tiết, cụ thể cho hoạt động kinh doanh để kịp thời ứng phó và hạn chế rủi ro từ những biến động khó lường của nền kinh tế. Ngoài ra, Công ty luôn chủ động khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu thị trường, tình hình giá phân bón để điều chỉnh chính sách mua bán hợp lý. Dự đoán giá mì lát không thuận lợi nên Công ty đã mua trước và ký bán sau nên không những không thua lỗ mà còn đạt lợi nhuận tương đối.

**RỦI RO PHÁP LUẬT**

DOCAM là công ty đại chúng, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và các văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Hải quan, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, các quy định từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các quy định khác có liên quan. Với mảng kinh doanh chính là kinh doanh phân bón và

nông sản, DOCAM còn chịu sự ràng buộc từ các chính sách và quy định khác như: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 84/2019/NĐ-CP Quy định về quản lý phân bón, Thông tư 09/2019/TT-BNNPTNT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón, chính sách thuế quan,...

Hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên khó tránh khỏi những sự thay

đổi thường xuyên. Bất kỳ sự thay đổi nào về Luật luôn tiềm ẩn rủi ro và sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì lẽ đó, Ban lãnh đạo chủ động cập nhật thường xuyên các chủ trương và quy định của Chính phủ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh sao cho phù hợp với chính sách mới và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2022, phân bón là một thị trường hấp dẫn với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Là một nước nông nghiệp, Việt Nam tiêu thụ một lượng lớn phân bón mỗi năm. Các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước không ngừng nâng cấp công nghệ, nâng cao thương hiệu, mở rộng thị phần và gia tăng lợi thế cạnh tranh bằng những chiến lược linh hoạt, độc đáo.

Tuân theo quy luật thị trường, hàng năm Việt Nam vẫn vừa nhập vừa xuất khẩu phân bón.

Do đó, thị trường phân bón cạnh tranh khá gay gắt và không lành mạnh. Ngoài ra, giá phân bón tăng quá cao đã làm gia tăng tình trạng phân bón giả, phân bón kém chất lượng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán và sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp kinh doanh phân bón. Năm qua, DOCAM đã chủ động điều chỉnh chính sách dự trữ hàng tồn kho, chính sách mua bán hàng hóa hợp lý để cải thiện doanh thu và lợi nhuận.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh

và tạo chỗ đứng trên thị trường, Ban lãnh đạo Công ty liên tục nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, nghiên cứu và xây dựng các chính sách mua bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu bằng cách tăng cường công tác tiếp thị và mở rộng kênh phân phối, từ đó tiếp cận được nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

RỦI RO TỪ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp là kinh doanh phân bón và kinh doanh nông sản – những mảng liên quan mật thiết đến tình hình nông nghiệp của nước ta. Biến đổi khí hậu, thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán,...) cũng như các vấn đề về chuyển đổi diện tích đất canh tác đã làm giảm quy mô trồng trọt trong thời gian qua, dẫn đến giảm nhu cầu sử dụng phân bón. Bên cạnh đó, giá nông sản không ổn định, tiêu thụ khó khăn cũng tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp, từ đó kinh doanh phân bón gặp không ít khó khăn do sức mua yếu.

Các vấn đề về dịch bệnh như dịch tả lợn châu Phi, dịch cúm gia cầm, ... đang dần được kiểm

soát nhưng khả năng tái lại vẫn còn khá cao và khách hàng còn e ngại tái đàn. Những yếu tố này trực tiếp làm giảm nhu cầu tiêu thụ nông sản của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi và gián tiếp làm giảm doanh thu từ mảng kinh doanh nông sản của DOCAM.

Trước những khó khăn đó, Ban lãnh đạo luôn quan sát và đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các biện pháp hạn chế phù hợp với thực trạng mỗi giai đoạn. Công ty luôn tìm kiếm các đối tác mới để kinh doanh phân bón, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu phân bón, mở rộng thị trường tiêu thụ và chú trọng vào các loại phân bón mà DOCAM có ưu

thế (Kali Canada, Kali nitrat và Kali sulphat). Với mảng mua bán nông sản (mì lát), Công ty điều chỉnh phương thức kinh doanh linh hoạt với từng giai đoạn, chủ yếu mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các Nhà máy thức ăn chăn nuôi và kết hợp với hình thức mua ngay bán ngay khi có cơ hội. Nguồn thu từ các dịch vụ tăng thêm cũng đang được Ban điều hành quan tâm và có những thay đổi trong thời gian qua.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, không thể đo lường và dự đoán trước. Đây là những rủi ro khó tránh khỏi nhưng hoàn toàn có thể giảm thiểu được. Chính vì vậy, Công ty luôn chủ động phòng tránh bằng việc mua bảo hiểm cho người lao động,

cho tài sản và xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn an toàn phòng trường hợp rủi ro xảy ra. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,...

RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2022, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), lạm phát toàn cầu ở mức cao do xung đột quân sự ở Ukraine, tắc nghẽn chuỗi cung ứng, thiếu hụt lao động,... Trong bối cảnh đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 07 lần, khoảng 4,25% - 4,5% kể từ tháng 03/2022. Đây là mức lãi suất tham chiếu cao nhất của Mỹ kể từ tháng 12/2007. Do đó,

đồng USD lên giá mạnh, giá tăng áp lực lên mặt bằng tỷ giá trong nước, giá hàng hóa nhập khẩu tăng cao. DOCAM là một công ty có hoạt động nhập khẩu phân bón từ nhiều vùng lãnh thổ, quốc gia như Đài Loan, Jordan... nên tỷ giá thay đổi sẽ tạo nhiều áp lực cho doanh nghiệp.

Để hạn chế các ảnh hưởng, Ban lãnh đạo DOCAM cũng tăng

cường theo dõi biến động tỷ giá để kịp thời ra các quyết định mua bán đúng thời điểm, mang lại nhiều giá trị nhất cho doanh nghiệp. Năm 2022 tận dụng cơ hội phân bón tăng giá trên thị trường quốc tế, Công ty đã xuất khẩu được 3.153 tấn phân bón, góp phần giải quyết được nguồn ngoại tệ nhập khẩu hàng hóa.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh. Và rủi ro lãi suất luôn là bài toán tài chính khó đối với các doanh nghiệp. Năm 2022, để kiểm soát lạm phát, nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ bằng cách tăng lãi suất.

Với việc áp dụng chính sách neo tỷ giá vào đồng USD nên khi đồng USD tăng giá do lãi suất Mỹ tăng, Việt Nam không thể tránh việc tăng lãi suất theo để giảm áp lực về tỷ giá. Theo Quyết định số 1809/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022, Ngân hàng

nhà nước tiếp tục tăng lãi suất liên ngân hàng thêm 1%, sau lần tăng đầu tiên vào tháng 09/2022. Do đó, các lãi suất cho vay cũng sẽ điều chỉnh tăng theo mức tương ứng.

Với tình hình tài chính hiện nay, việc tăng lãi suất sẽ không ảnh hưởng nhiều đến chi phí nợ vay của Công ty trong tương lai vì Công ty chỉ vay trong ngắn hạn và lượng tiền vay ít. Ban lãnh đạo luôn theo dõi sát sao tình hình lãi suất để có những chiến lược cũng như đề xuất giải pháp giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro cũng như nắm bắt các cơ hội đầu tư khác.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Tình hình tài chính
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG

DVT: Tấn

Sản phẩm kinh doanh	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	% TH 2022/2021	% TH/KH 2022
Phân bón kinh doanh	29.790	19.819	24.100	66,53%	82,24%
Nông sản (khoai mì)	8.037	5.212	5.000	64,85%	104,24%
Lúa giống	20	6	20	30%	30%
Tổng sản lượng	37.847	25.037	29.120	66,15%	85,98%

Năm 2022, tình hình kinh tế - chính trị bất ổn trên toàn cầu, thị trường phân bón, nông sản chịu nhiều tác động. Tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty đạt 25.037 tấn, giảm 33,85% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 85,98% kế hoạch đề ra. Phân bón kinh doanh là nguồn phân bón do công ty nhập khẩu trực tiếp hoặc mua nội địa và bán cho khách hàng. Sản lượng phân bón kinh doanh năm 2022 đạt 19.819 tấn giảm 33,47% so với năm 2021 và đạt 82,24% kế hoạch do

giá phân bón tăng quá cao trong khi giá nông sản không tăng tương ứng nên nông dân hạn chế đầu tư hoặc tiết giảm sử dụng phân bón nên nhu cầu giảm 20-30% so với trước biến động. Mặt hàng nông sản (mì lát) đạt 5.212 tấn, giảm 35,15% so với năm 2021 và vượt 4,24% so với kế hoạch do các doanh nghiệp thủy sản giảm lượng hàng tiêu thụ. Sản lượng lúa giống đạt gần 6 tấn, giảm 70% so với cùng kỳ và đạt 30% kế hoạch.

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

DVT: Triệu đồng

Hàng hóa, dịch vụ	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2022
Doanh thu phân bón kinh doanh	283.499	333.094	117,49%	84,25%	90,06%
Doanh thu nông sản (khoai mì)	50.181	33.892	67,54%	14,91%	9,16%
Doanh thu hạt giống	305	59	19,4%	0,09%	0,02%
Doanh thu dịch vụ, khác	2.523	2.825	111,98%	0,75%	0,76%
Tổng doanh thu	336.508	369.870	109,91%	100%	100%

Năm 2022, tiếp tục là một năm đầy sóng gió của thế giới. Khủng hoảng năng lượng diễn ra khiến phần lớn các khu vực trên thế giới phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí đốt, dầu, lương thực,... Hàng loạt nền kinh tế giảm tốc độ tăng trưởng, tăng lãi suất để kiềm hãm lạm phát. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát.

Kết thúc năm 2022. Tổng doanh thu của Công ty ghi nhận 369,87 tỷ đồng, tăng 9,91% so với cùng kỳ năm

trước. Trong đó, doanh thu phân bón kinh doanh đạt 333,09 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu với 90,06% và tăng 17,49% so với năm 2021 chủ yếu do giá phân bón tăng đỉnh điểm trong năm 2022. Doanh thu nông sản đạt 33,89 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9,16% tổng doanh thu, giảm 32,46% so với năm 2021 do nguồn cung bị thay đổi và sụt giảm. Doanh thu hạt giống và dịch vụ cho thuê kho chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu, lần lượt đạt 59 triệu đồng và 2,83 tỷ đồng.

Doanh thu thuần

369.870 triệu đồng
đạt **133,29%** kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế

17.821 triệu đồng
đạt **317,27%** kế hoạch

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2022
Đồng Nai	266.375	338.561	127,1%	79,16%	91,54%
Tp.Hồ Chí Minh	70.133	31.309	44,64%	20,84%	8,46%
Tổng doanh thu	336.508	369.870	109,91%	100%	100%

Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc, tuy nhiên, doanh thu ghi nhận từ các khách hàng tại Đồng Nai và Tp.Hồ Chí Minh. Tại Đồng Nai, doanh thu ghi nhận 338,56 tỷ đồng, chiếm 91,54% cơ cấu tổng doanh thu, tăng 27,1% so với cùng kỳ do các hợp đồng lớn phải do Công ty ký kết. Doanh thu tại Tp.Hồ Chí Minh đạt

31,31 tỷ đồng, chiếm 8,46% cơ cấu doanh thu, giảm 55,36% so với năm 2021 do việc tiêu thụ tại Chi nhánh Công ty ở thành phố Hồ Chí Minh sụt giảm nhiều. Cơ cấu doanh thu theo khu vực có xu hướng tăng tại Đồng Nai và giảm tại Tp.Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị kinh doanh	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Kế hoạch 2022	% TH 2022/2021	% TH/KH 2022
Tổng sản lượng	Tấn	37.847	25.037	29.120	66,15%	85,98%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	336.508	369.870	277.489	109,91%	133,29%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.513	22.344	6.000	120,69%	372,40%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.797	17.821	4.800	120,44%	371,27%

Năm 2022 là một năm vừa là khó khăn vừa là thách thức. Trong 9 tháng đầu năm giá phân bón liên tục tăng lên các đỉnh mới, tuy nhiên từ quý 4 trở đi giá phân bón đảo chiều “đổ sập”. Do theo sát thị trường và tiên lượng được tình huống xấu nên Ban Điều hành Công ty đã chủ động ngừng mua hàng, nhanh chóng bán hàng tồn kho nên kết quả là vẫn bảo tồn được lợi nhuận kiếm được trong 9 tháng đầu năm. Mặc dù,

tổng sản lượng của Công ty chỉ đạt 85,98% kế hoạch nhưng do giá hàng hóa tăng cao nên doanh thu, lợi nhuận đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, ghi nhận ở mức cao nhất từ 10 năm trở lại đây. Doanh thu thuần đạt 369,87 tỷ đồng, thực hiện 133,29% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 17,82 tỷ đồng, bằng 3,71 lần kế hoạch đã đề ra.



DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị		
Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách
Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
Ban kiểm soát		
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	
Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát	
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	
Ban Tổng giám đốc		
Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc	
Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO TRONG NĂM 2022

Không có

LÝ LỊCH BAN LÃNH ĐẠO

BÀ PHAN THỊ ANH THY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 20/04/1969
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Cử nhân Hóa
Quá trình công tác :
 07/1995 – 12/2004 : Chuyên viên Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 01/2005 – 02/2008 : Phụ trách bộ phận Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 03/2008 – 08/2009 : Giám đốc Xí nghiệp Nông sản và Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 09/2009 – 12/2011 : Chuyên viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 01/2012 – 07/2013 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh liên kết Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 08/2013 – 03/2014 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 04/2014 – 05/2020 : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 04/2014 – 06/2020 : Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 06/2020 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :
 • Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 3.210.800 cổ phần, chiếm 32,11% vốn điều lệ;
 • Cá nhân sở hữu: 10.700 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

LÝ LỊCH BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG CAO HÙNG LAI

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Ngày sinh : 28/10/1963

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

07/1985 – 04/1994 : Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty Cà phê Đồng Nai

05/1994 – 12/2004 : Chuyên viên, Trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)

01/2005 – 02/2010 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

03/2010 – nay : Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

04/2014 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 2.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ;
- Cá nhân sở hữu: 31.500 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM QUY

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Ngày sinh : 14/02/1981

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật Thương mại

Quá trình công tác :

07/2005 – 03/2012 : Viên chức văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất Tp.Biên Hòa

04/2012 – 03/2014 : Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường Tp.Biên Hòa

04/2014 – 05/2021 : Chuyên viên pháp chế Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

05/2021 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

06/2021 – 12/2022 : Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

01/2023 - nay : Quyền Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Quyền Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 2.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ;
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

ÔNG ĐOÀN TUẤN ANH

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh : 21/12/1989

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

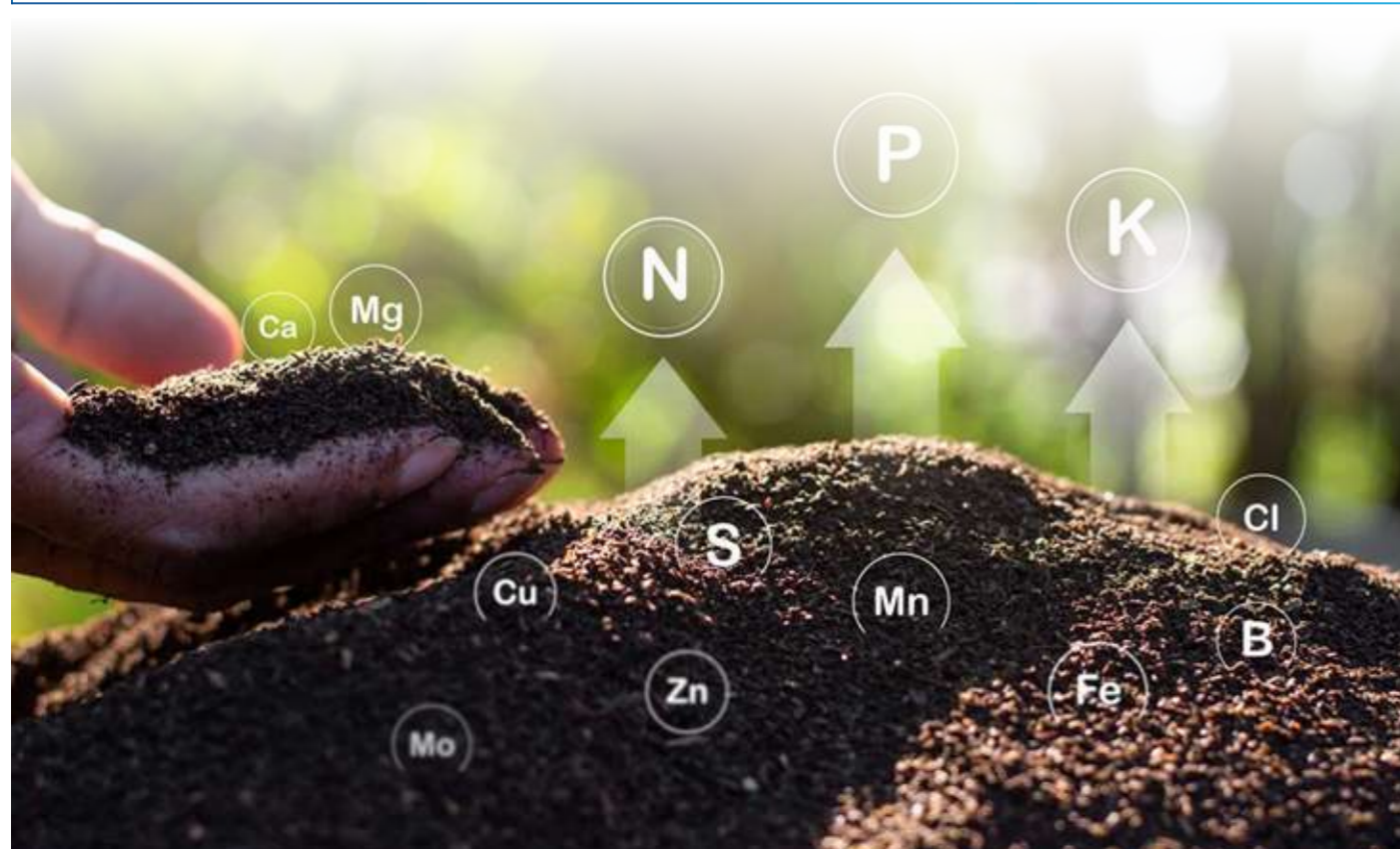
Quá trình công tác :

02/2012 – 05/2020 : Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

06/2020 – nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có



LÝ LỊCH BAN LÃNH ĐẠO

BÀ NGUYỄN THỊ DIỆU LINH

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh : 28/10/1991
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kế toán
 Quá trình công tác :
 03/2015 – nay : Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 04/2019 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai
 06/2021 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
 12/2021 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :
 • Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 • Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai
 • Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

BÀ TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC HÒA

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh : 20/10/1987
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Quá trình công tác :
 06/2009 – 07/2011 : Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 10/2009 – 5/2013 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai
 8/2010 – 9/2012 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giống cây trồng Đồng Nai
 07/2011 – nay : Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 03/2010 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 4/2011 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
 8/2015 – 11/2017 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lothamilk

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :
 • Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
 • Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

ÔNG NGÔ HUỖNH MINH

Kế toán trưởng

Ngày sinh : 24/08/1979
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
 Quá trình công tác :
 06/2003 – 03/2004 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Mắt Kính ChuanSheng
 03/2004 – 03/2006 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phước Thạnh
 03/2006 – 11/2006 : Phụ trách Kế toán Công ty Xây dựng Hoàng Phúc Đạt
 11/2006 – 03/2008 : Phụ trách Kế toán Công ty Y phục Doanh nhân
 03/2008 – 04/2009 : Trợ lý Kiểm toán Công ty Kiểm toán Vạn An
 04/2009 – 02/2010 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 03/2010 – 03/2016 : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 04/2016 – 06/2020 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
 08/2020 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :
 • Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 • Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ.

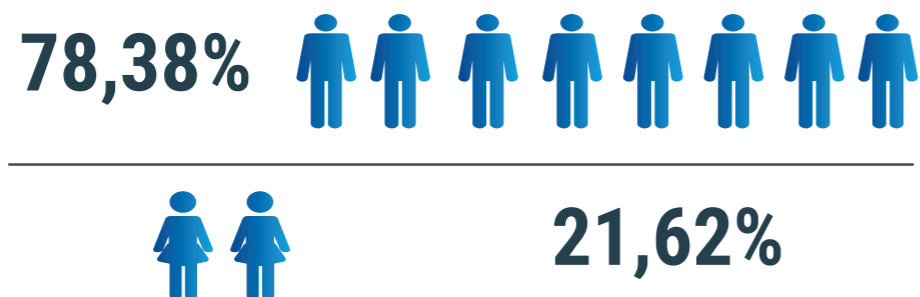


SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

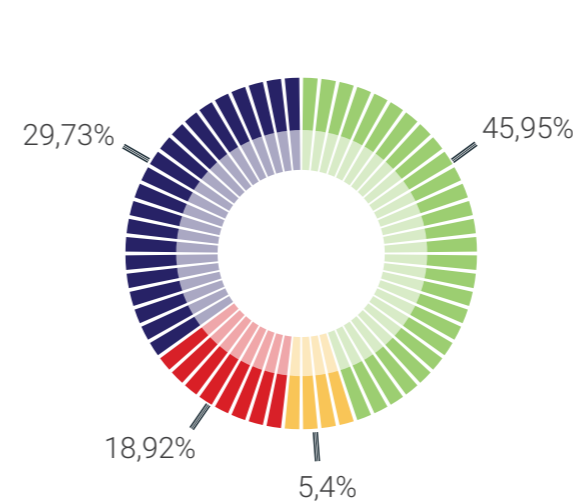
Tại thời điểm 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	37	100%
1	Đại học và sau đại học	11	29,73%
2	Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	7	18,92%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	2	5,4%
4	Lao động phổ thông	17	45,95%
B	Theo tính chất công việc	37	100%
1	Lao động quản lý	4	10,81%
2	Lao động chuyên môn nghiệp vụ	7	28,92%
3	Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh	20	54,05%
4	Lao động thừa hành phục vụ	6	16,22%
C	Theo giới tính	37	100%
1	Nữ	8	21,62%
2	Nam	29	78,38%

Cơ cấu lao động theo giới tính

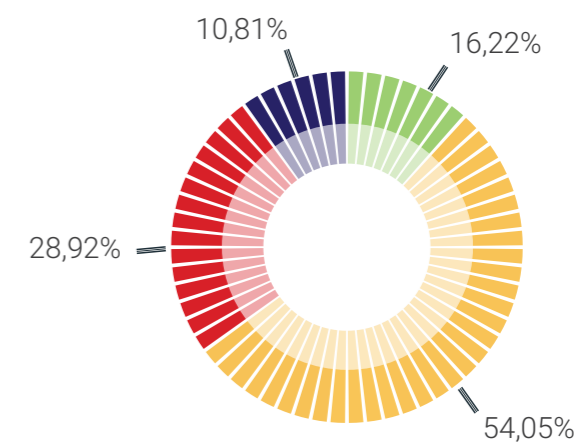


Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn



- Đại học và sau đại học
- Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng lao động



- Lao động quản lý
- Lao động chuyên môn nghiệp vụ
- Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh
- Lao động thừa hành phục vụ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ**Về tuyển dụng**

Chất lượng nguồn lao động luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động của DOCAM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. DOCAM luôn chủ động tìm kiếm và ưu tiên các ứng viên có năng lực, có chuyên môn cao nhằm góp phần giảm bớt chi phí đào tạo, nâng cao mặt bằng trình độ chung cho cán bộ công nhân viên.

Về đào tạo

Ý thức được con người là yếu tố cốt lõi trong mọi hoạt động, là chìa khóa quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do vậy, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động cần thiết đối với DOCAM. Hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên nâng cao năng lực mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai. Công ty luôn có những biện pháp khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa người lao động, đồng thời, tiến hành tổ chức các đợt đào tạo chuyên môn cho các nhân viên. Ngoài ra, DOCAM hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan đến công việc nhằm đào tạo, tái đào tạo theo yêu cầu công việc từng thời điểm.

Môi trường công việc

DOCAM luôn quan tâm, coi trọng để có được sự ủng hộ, cống hiến và hợp tác với người lao động thông qua sự quan tâm và tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy năng lực. Công ty luôn nỗ lực tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết quan hệ giữa các nhân viên và xây dựng văn hóa DOCAM.

Về lương, thưởng

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng theo đúng quy định hiện hành và có nhiều chính sách ưu tiên nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động, nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ có thể yên tâm làm việc và cống hiến lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Về phúc lợi, đãi ngộ

Mặc dù là một trong những doanh nghiệp bị ảnh hưởng nhiều từ dịch Covid-19 và các biến động từ kinh tế - chính trị thế giới nhưng DOCAM vẫn luôn ưu tiên xây dựng chế độ chính sách phúc lợi hợp lý cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty luôn thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được hưởng các quyền lợi từ bảo hiểm một cách kịp thời và đầy đủ, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh vừa qua, ngoài ra Công ty còn mua

bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; trang bị đồng phục cho người lao động, tặng quà chúc mừng nhân các dịp đặc biệt như Lễ, Tết, Quốc tế Phụ nữ,... Năm 2022, Công ty tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng ở Đà Nẵng. Các chính sách đãi ngộ thể hiện sự quan tâm của Công ty đến đời sống vật chất, tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên, tạo nên sự gắn bó và cống hiến lâu dài.

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

- » Trong năm, Công ty không có hoạt động đầu tư dự án; Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết.
- » Trong năm, Công ty đã xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của Công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan thẩm quyền, nhưng chưa lựa chọn được phương án và vị trí thích hợp, nên chưa có khoản đầu tư dự án trong năm 2022.



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	10.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	10.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (*) tại ngày 31/12/2022

(*): Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn về cách thức xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

(Ghi chú: Qua đầu năm 2023 tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0% được quy định tại Văn bản số 158/UBCK-PTTT ngày 12/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 14/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	9.999.900	99.999.000.000	99,999
1	Cá nhân	2.239.100	22.391.000.000	22,391
2	Tổ chức	7.760.800	77.608.000.000	77,608
II	Cổ đông nước ngoài	100	1.000.000	0,001
1	Cá nhân	100	1.000.000	0,001
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		10.000.000	100.000.000.000	100%

CỔ NHÀ NƯỚC, ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày 14/12/2022

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Công ty TNHH MTV

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.210.800 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 72,108%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	126.488	129.465	102,35%
Doanh thu thuần	336.508	369.870	109,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.478	22.441	121,45%
Lợi nhuận khác	35	-98	-276,06%
Lợi nhuận trước thuế	18.513	22.344	120,69%
Lợi nhuận sau thuế	14.797	17.821	120,44%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	13,4%	4,5% (*)	33,58%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	91%	25,25%	27,88%

(*): Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2022 theo kế hoạch ban đầu dự kiến là từ 4,5%; tỷ lệ cổ tức thực hiện sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét quyết định.

Năm 2022, kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới trở nên khó khăn hơn khi xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine kéo dài, lạm phát duy trì ở mức cao, xu hướng tăng lãi suất, chính sách tiền tệ thu hẹp được tiến hành ở nhiều quốc gia như ở châu Âu và Mỹ... Điều này tạo lực cản lớn đối với sự phục hồi kinh tế toàn cầu, tạo những căng thẳng đối với chuỗi cung ứng và đẩy giá cả hàng hóa như xăng, dầu tăng cao. Tuy nhiên, theo số liệu năm 2022 của Tổng cục Thống kê, nền kinh tế trong nước tiếp tục mở cửa trong trạng thái bình thường mới và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức nhưng trong năm 2022 DOCAM đã đạt được kết quả cao

nhất trong vòng 10 năm gần đây. Năm 2022, doanh thu thuần ghi nhận 369,87 tỷ đồng, tăng 9,91% so với cùng kỳ chủ yếu do giá phân bón tăng dẫn đến doanh thu hoạt động kinh doanh phân bón tăng. Lợi nhuận sau thuế đạt 17,82 tỷ đồng, tăng 20,44% so với cùng kỳ.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	11,26	8,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,91	7,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,79	11,9
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,64	11,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,63	11,96
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,73	2,89
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,4	4,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,5	16,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,01	13,93
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	5,49	6,07



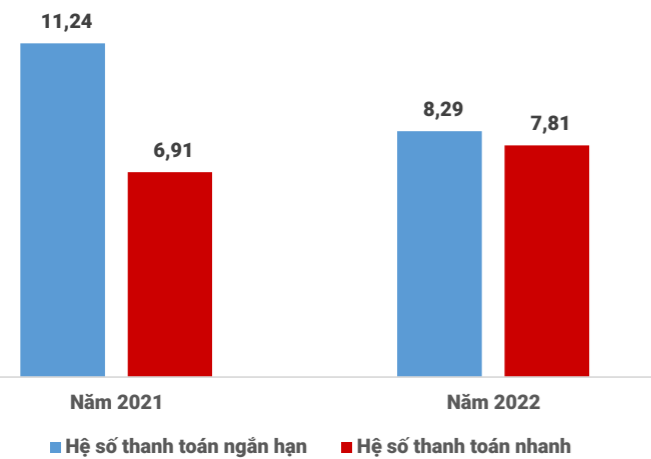
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm từ 11,26 lần còn 8,28 lần. Trong năm, khoản mục tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn lần lượt đạt 108,5 tỷ đồng và 8,01 tỷ đồng, tăng lần lượt 2,28 lần và 2,6 lần làm tài sản ngắn hạn đạt 127,75 tỷ đồng, tăng 2,18% so với cùng kỳ. Trong khi đó, nợ ngắn hạn là 15,4 tỷ đồng, tăng 38,59% so với cùng kỳ do khoản cổ tức phải trả tăng 3,57 lần so với năm 2021. Tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nhanh hơn tài sản

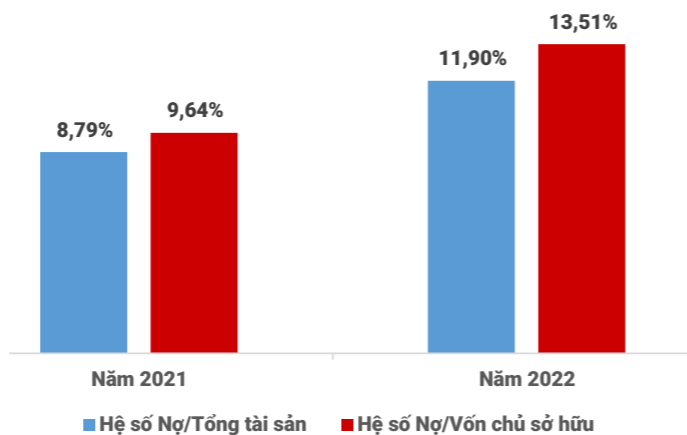
ngắn hạn nên hệ số thanh toán nhanh giảm.

Bên cạnh đó, do khoản mục hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ ngắn hạn vào năm 2021 lại giảm mạnh 84,71%, từ 48,22 tỷ đồng còn 7,37 tỷ đồng vào năm 2022, đã làm hệ số thanh toán nhanh của Công ty tăng 13,02% lên 7,81 lần. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn tốt, tính tự chủ cao.

DVT: Lần



DVT: %



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính đến thời điểm cuối năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều ghi nhận tăng. Trong đó, hệ số nợ/tổng tài sản đạt 11,9%. Do Công ty không có nợ dài hạn nên nợ phải trả chủ yếu là nợ ngắn hạn, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng tài sản nên hệ số nợ/tổng tài sản đạt 11,9% tăng 35,38% so với cùng kỳ chủ yếu do khoản cổ tức phải trả tăng mạnh.

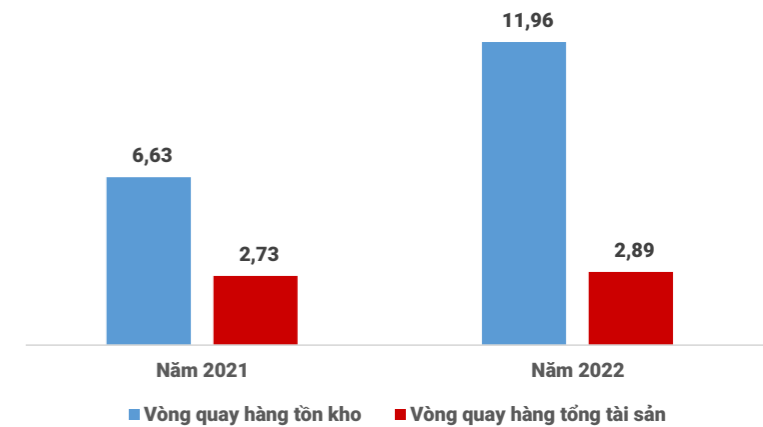
Tài sản của Công ty được cấu thành từ nguồn vốn chủ sở hữu nên tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn nhỏ. Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn chiếm tỷ lệ thấp cho thấy khả năng độc lập về mặt tài chính của Công ty rất cao, do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là thấp.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các hệ số về năng lực hoạt động của DOCAM năm 2022 đều tăng. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,64 vòng lên 11,96 vòng do dự đoán giá phân bón sẽ lao dốc vào cuối năm nên Công ty chủ động giảm lượng hàng hóa đầu vào, hàng tồn kho trong năm của Công ty giảm mạnh 84,71%.

Vòng quay tổng tài sản của công ty năm 2022 tăng nhẹ từ 2,73 vòng lên 2,89 vòng. Mặc dù, doanh thu tăng 9,91%, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của tăng mạnh nhưng do hàng tồn kho giảm mạnh làm tốc độ tăng của tổng tài sản chậm hơn tốc độ tăng doanh thu.

DVT: Vòng

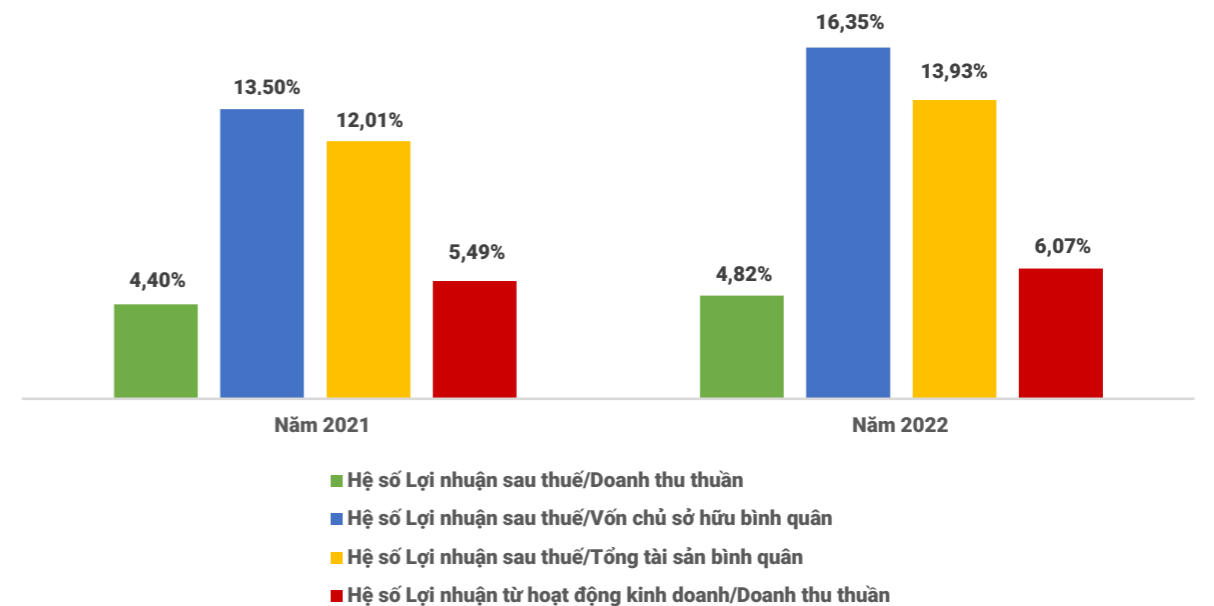


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Khép lại năm 2022, mặc dù nền kinh tế đối diện với nhiều thách thức từ xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát tăng cao nhưng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai vẫn mang về kết quả kinh doanh tốt. Nhờ sự nỗ lực, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo cùng với sự đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 17,82 tỷ đồng, tăng 20,44% so với cùng kỳ năm 2021. Do đó, các hệ số khả năng sinh lời của DOCAM đều tăng so với năm 2021:

- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 4,82% ;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân 16,35%;
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 13,93%;
- » Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 6,07%.

DVT: %



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Các vấn đề về môi trường luôn là vấn đề thời sự nóng trên thế giới, không riêng của bất kỳ quốc gia nào, thu hút sự quan tâm của người dân. Do đó, vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay được xem là một trong những mục tiêu cần chú trọng của Công ty. Công ty liên tục đưa ra các biện pháp thiết thực để hạn chế mức ô nhiễm nhằm bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng. Công ty sử dụng các nhãn dán, bao bì thân thiện với môi trường và có thể tái sử dụng nhiều lần. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức tuyên truyền để phổ biến rộng rãi chính sách bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ công nhân viên.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ TIÊU THỤ NƯỚC

Tiêu thụ năng lượng và nước là một trong những vấn đề được Ban lãnh đạo chú ý trong công tác bảo vệ môi trường. Việc sử dụng năng lượng và nước trực tiếp của công ty chủ yếu tại văn phòng. Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra. Công ty luôn nỗ lực tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động mà còn giảm thiểu tác động lên môi trường xung quanh. Trong năm 2022, Công ty phải trả nhà cung cấp điện là 168.909.989 đồng và nhà cung cấp nước là 43.651.125 đồng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc bảo vệ môi trường hiện nay được xem là một trong những mục tiêu quan trọng của Công ty cần hướng đến. Trong tình hình biến đổi khí hậu của nước ta hiện nay thì việc bảo vệ môi trường càng trở nên cấp thiết. Trong năm, Công ty luôn tuân thủ mọi quy định và chưa có vi phạm liên quan đến môi trường.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	48	40	34	33
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.136.000	7.198.000	11.121.000	13.416.000

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty đảm bảo các quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định Pháp luật như đều có hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các quyền lợi khác theo quy định. Với phương châm con người là tài sản cốt lõi quyết định sự thành công của doanh nghiệp, Công ty chú trọng chăm lo sức khỏe của người lao động, lựa chọn đơn vị y tế uy tín để khám sức khỏe định kỳ và tổ chức cho người lao động đi du lịch để gắn kết tình cảm.

Trong quá trình làm việc, mỗi cán bộ công nhân viên đều được Công ty định hướng để chuẩn bị cho mình những lộ trình thăng tiến rõ ràng, minh bạch. Tại DOCAM, các chính sách khen thưởng đang dần cải tiến theo thời gian để kịp thời động viên, khuyến khích đối với các cá nhân, tập thể có thành tích tốt, tạo nên sự gắn bó lâu dài của toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty cũng tổ chức các hoạt động đào tạo cho từng bộ phận nhằm nâng cao chất lượng nhân sự đáp ứng sự thay đổi của thị trường.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. DOCAM sẽ cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững cho Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Sự phát triển dài lâu của DOCAM dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, một môi trường ổn định. Ý thức được điều đó, Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển của địa phương, tạo ra nhiều công ăn việc làm giúp người lao động tại địa phương và khu vực lân cận ổn định cuộc sống. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực vận động toàn thể cán bộ công nhân viên tổ chức các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng như đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... Trong thời gian tới, Công ty cũng có các chính sách khuyến khích người lao động nhằm góp phần giúp đỡ địa phương trong thực hiện chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2022

Thuận lợi

- Bằng kinh nghiệm nhiều năm kinh doanh phân bón, nông sản, Công ty đã xây dựng nên thương hiệu có uy tín cao và có vị thế cạnh tranh trên thị trường trong nước;
- Nhờ vị trí đặc địa “trung tâm” khu vực miền Đông Nam Bộ cùng với hệ thống kho, bãi rộng lớn, Công ty thuận lợi nhập hàng và phân phối đi các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước hay khu vực miền Tây Nam Bộ.
- Với phương diện từ cổ đông lớn, DOCAM đã nhận được những điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai;
- Tình hình tài chính Công ty lành mạnh, theo đó

Công ty được các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi trong việc vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể: Công ty được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) Đồng Nai tạo điều kiện hạn mức tín dụng thuận lợi để hoạt động kinh doanh.

- Được sự đồng hành, chia sẻ của các đối tác, khách hàng cùng những giải pháp đúng đắn, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng sự đoàn kết nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn thể cán bộ nhân viên đã hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Khó khăn

- Do ảnh hưởng từ những bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới như chiến tranh Nga và Ukraine cùng các lệnh trừng phạt giữa Nga và các nước phương Tây, đứt gãy chuỗi cung ứng, hạn chế nguồn cung Kali, dầu khí,... nên giá phân bón biến động khó lường;
- Giá nông sản còn thấp, tăng giảm thất thường, chi phí sản xuất (phân bón, lao động, thuốc bảo vệ thực vật,...) tăng cao, làm nhu cầu tiêu thụ phân bón của người nông dân giảm mạnh;
- Dịch tả lợn châu Phi, dịch cúm gia cầm,... vẫn đang tiếp diễn, gây tâm lý e ngại khi tái đàn của người dân, kéo theo nhu cầu thức ăn chăn nuôi sụt giảm. Dẫn đến doanh thu mảng kinh doanh nông sản (khoai mì lát) và lượng tiêu thụ nông sản trong

nước bị sụt giảm;

- Cơ chế bán hàng của Công ty (không bán nợ) cũng một phần gây khó khăn cho Công ty trong việc tìm kiếm nguồn khách hàng mới, mở rộng thị trường.
- Chính sách quản lý phân bón của các cơ quan chức năng chưa đồng bộ, thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho Công ty rất nhiều.
- Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại KCN Biên Hòa 1. Theo chủ trương của UBND Tỉnh Đồng Nai thì KCN này sẽ được di dời từ năm 2017, tuy nhiên đến nay thời hạn di dời, chính sách bồi thường,... vẫn chưa được công bố chính thức điều này làm cho doanh nghiệp không an tâm sản xuất kinh doanh.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2022, những sự kiện lớn như chiến tranh Nga – Ukraine, lạm phát, tăng lãi suất,... đã tạo lực cản lớn đối với sự phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid – 19 của toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng. Nhờ vào nỗ lực phấn đấu, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó:

- Về kết quả kinh doanh năm 2022, cả doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều đạt và vượt so với kế hoạch. Cụ thể, doanh thu ghi nhận đạt 369,87 tỷ đồng, vượt 33,29% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế ghi nhận đạt 17,82 tỷ đồng, vượt 271,27% so với kế hoạch;
- Năm 2022, lần đầu tiên Công ty đã xuất khẩu được 3.153 tấn phân bón đạt tổng kim ngạch xuất khẩu là 2,72 triệu USD, qua đó chủ động được nguồn ngoại tệ nhập khẩu hàng hóa;
- Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón công ty có ưu thế.
- Đảm bảo cơ cấu nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh;
- Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến công ty và thực hiện nghiêm túc các quy định tài chính đối với Nhà nước.

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2022
Tài sản ngắn hạn	125.030	127.753	102,18%	98,85%	98,68%
Tài sản dài hạn	1.458	1.712	117,40%	1,15%	1,32%
Tổng tài sản	126.488	129.465	102,35%	100%	100%

Trong năm, tổng tài sản của DOCAM ghi nhận 129,47 tỷ đồng, tăng 2,35% so với cùng kỳ. Trong đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn duy trì mức 98,69% cơ cấu tổng tài sản và tài sản dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng 1,32%.

Giá trị tài sản ngắn hạn của DOCAM năm 2022 đạt 127,75 tỷ đồng tăng nhẹ 2,18% so với năm 2021. Có sự thay đổi trong cơ cấu nợ ngắn hạn. Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có xu hướng tăng tỷ trọng đạt lần lượt 8,01 tỷ đồng tăng 2,6 lần và 108,5 tỷ đồng tăng 1,21 lần do trong bối cảnh hậu Covid-19 và chiến tranh Nga-Ukraine còn nhiều khó khăn, DOCAM thận trọng hơn trong các chính sách quản lý tài chính, Công ty lựa chọn tích trữ tiền và các khoản tương đương tiền nhằm kịp thời đầu tư cho

nguồn vốn lưu động khi cần thiết, không mua hàng nhiều vào quý 4, không để tồn kho khối lượng lớn do nhận định giá chắc chắn sẽ giảm, nếu không kịp ra hàng khi giá quay đầu đảo chiều sẽ dẫn đến rủi ro cao. Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn giảm lần lượt đạt 7,37 tỷ đồng giảm 84,71% và 3,49 tỷ đồng giảm 86,13%.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn cố định hữu hình và thuế thu nhập hoãn lại. Năm 2022, tài sản cố định ghi nhận 980,1 triệu đồng giảm 32,39% so với năm 2021 chủ yếu do khấu hao nhà cửa, vật kiến trúc và thiết bị, dụng cụ quản lý theo chuẩn mực kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh 731,15 triệu đồng.

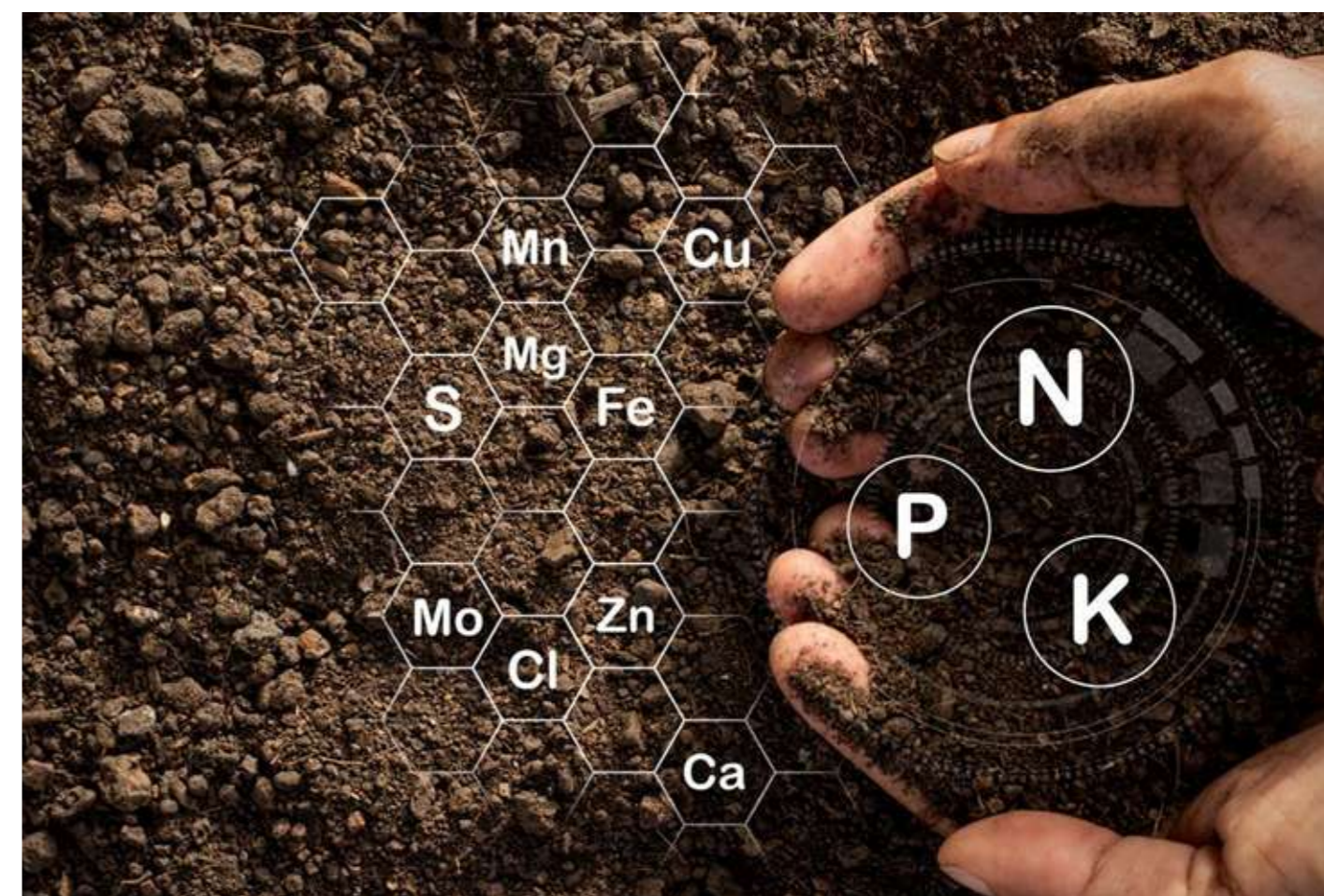
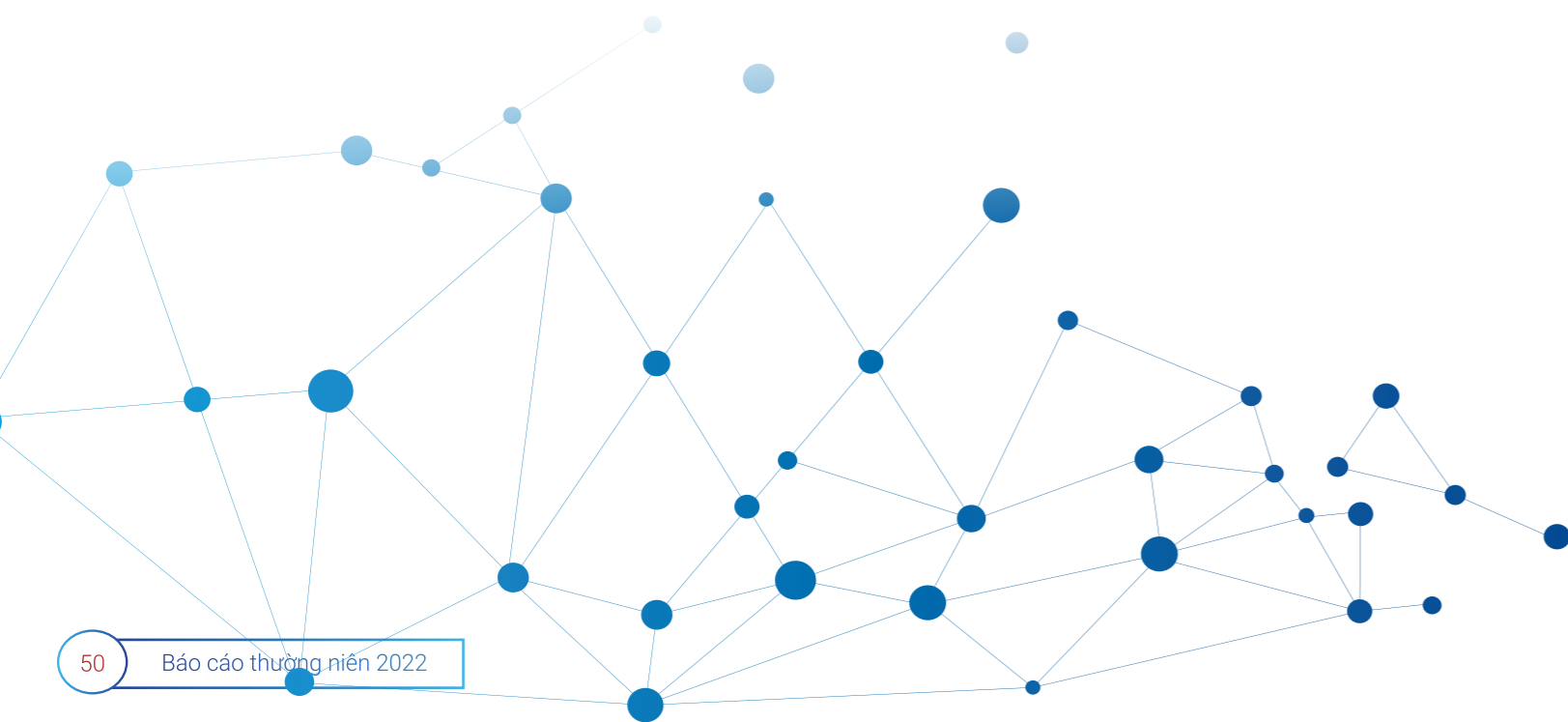
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng 2021	Tỷ trọng 2022
Nợ ngắn hạn	11.120	15.411	138,59%	100 %	100 %
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	11.120	15.411	138,59%	100%	100%

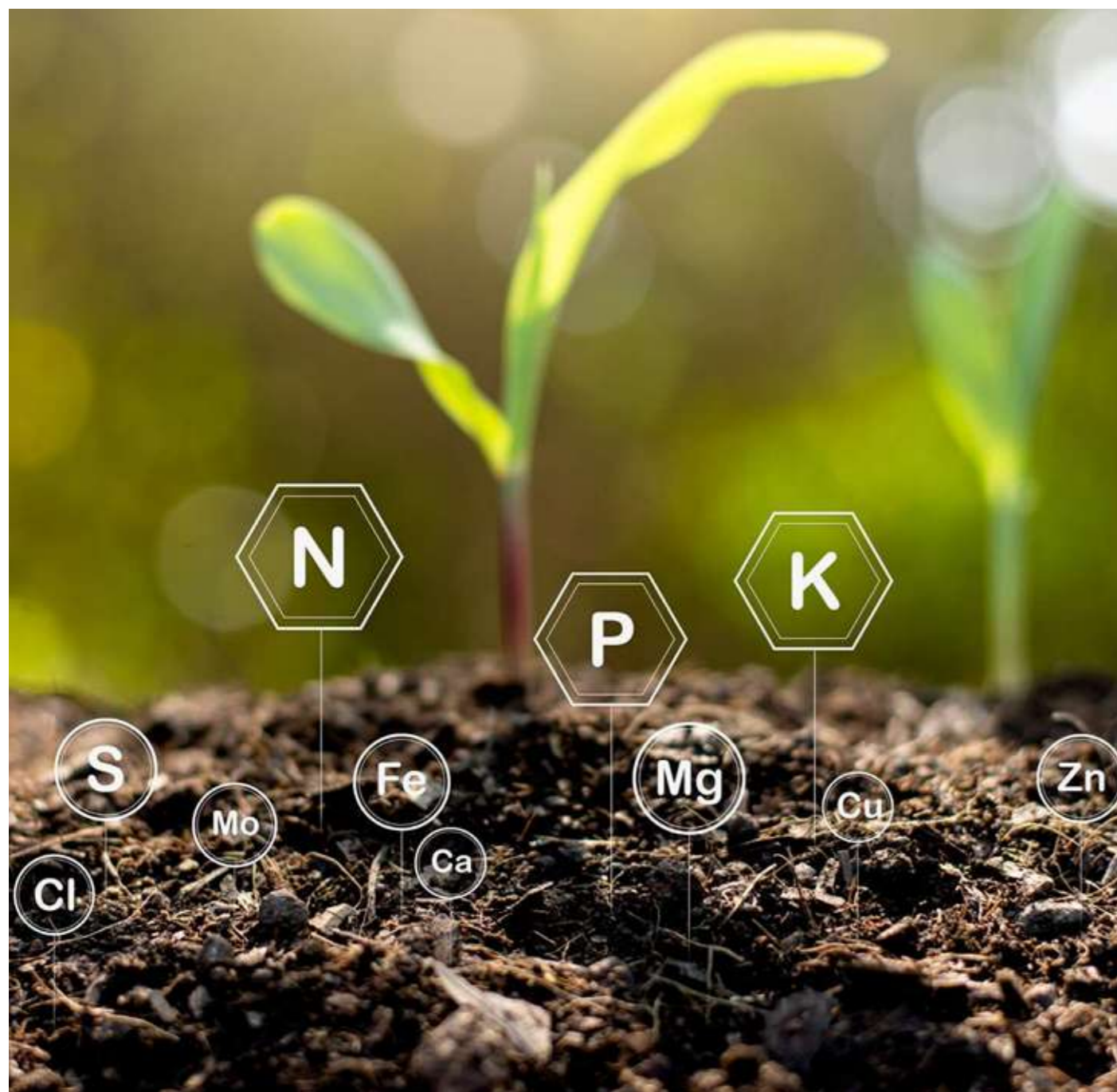
Năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 15,41 tỷ đồng, tăng 38, 59%. Cơ cấu nợ phải trả 100% là nợ ngắn hạn. Cụ thể, phải trả người bán ngắn hạn đạt 595,37 triệu đồng giảm 72,07%, do dự đoán giá giảm Công ty hạn chế việc nhập hàng tồn kho để hạn chế rủi ro. Bên cạnh đó, phải trả người lao động tại thời điểm cuối năm (gồm lương tháng 12 và quỹ lương

phải trả) đạt 2,9 tỷ đồng, tăng 12,72% so với năm trước. Cổ tức, lợi nhuận phải trả đạt 6,22 tỷ đồng, tăng 3,57 lần so với cùng kỳ. DOCAM đang thực hiện tốt các chính sách quản lý chi phí hoạt động của Công ty, giảm thiểu những tổn tại của những bất ổn của tình hình kinh tế vĩ mô lên hoạt động kinh doanh của Công ty.



Công ty tiếp tục bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định nhằm nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức hoạt động kinh doanh. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban. Đồng thời, Công ty duy trì đào tạo cán bộ công nhân viên, khen thưởng khuyến khích mỗi nhân sự

hay tập thể có sự tiến bộ vượt bậc trong công việc đóng góp sáng kiến vào quá trình hoạt động sản xuất của Công ty. Phân tích nhu cầu của khách hàng cũng được Công ty quan tâm nhằm nghiên cứu và tìm giải pháp cải tiến phân bón, phù hợp với tình hình mùa vụ và từng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong thời gian ngắn nhất.



KẾ HOẠCH KINH DOANH

Từ quý 4/2022 đến đầu năm 2023, thị trường phân bón đã quay trở lại trạng thái: giá thấp, nguồn hàng dồi dào, cung lớn hơn cầu. Hiện tại giá phân bón các loại đang trên đà giảm mạnh và chưa có dấu hiệu ngừng giảm (giảm khoảng 40% tùy loại), sức mua thị trường rất yếu do tâm lý e ngại giá sẽ giảm tiếp.

Giá mì lát cao trong khi đó các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gặp khó khăn nên sản lượng mì lát tiêu thụ và lợi nhuận sẽ giảm.

Do đó, kinh doanh phân bón và nông sản (mì

lát) vẫn sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn và sụt giảm sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

Nhận định năm 2023 sẽ là năm cực kỳ khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh phân bón nói riêng nên chủ trương của Công ty là sẽ thận trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ưu tiên chỉ tiêu lợi nhuận để bảo toàn vốn, không chạy theo số lượng dễ dẫn đến rủi ro.

Căn cứ và tình hình nội tại và những dự báo về thị trường, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 thận trọng như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	22.600
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	190.735
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.000



CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN

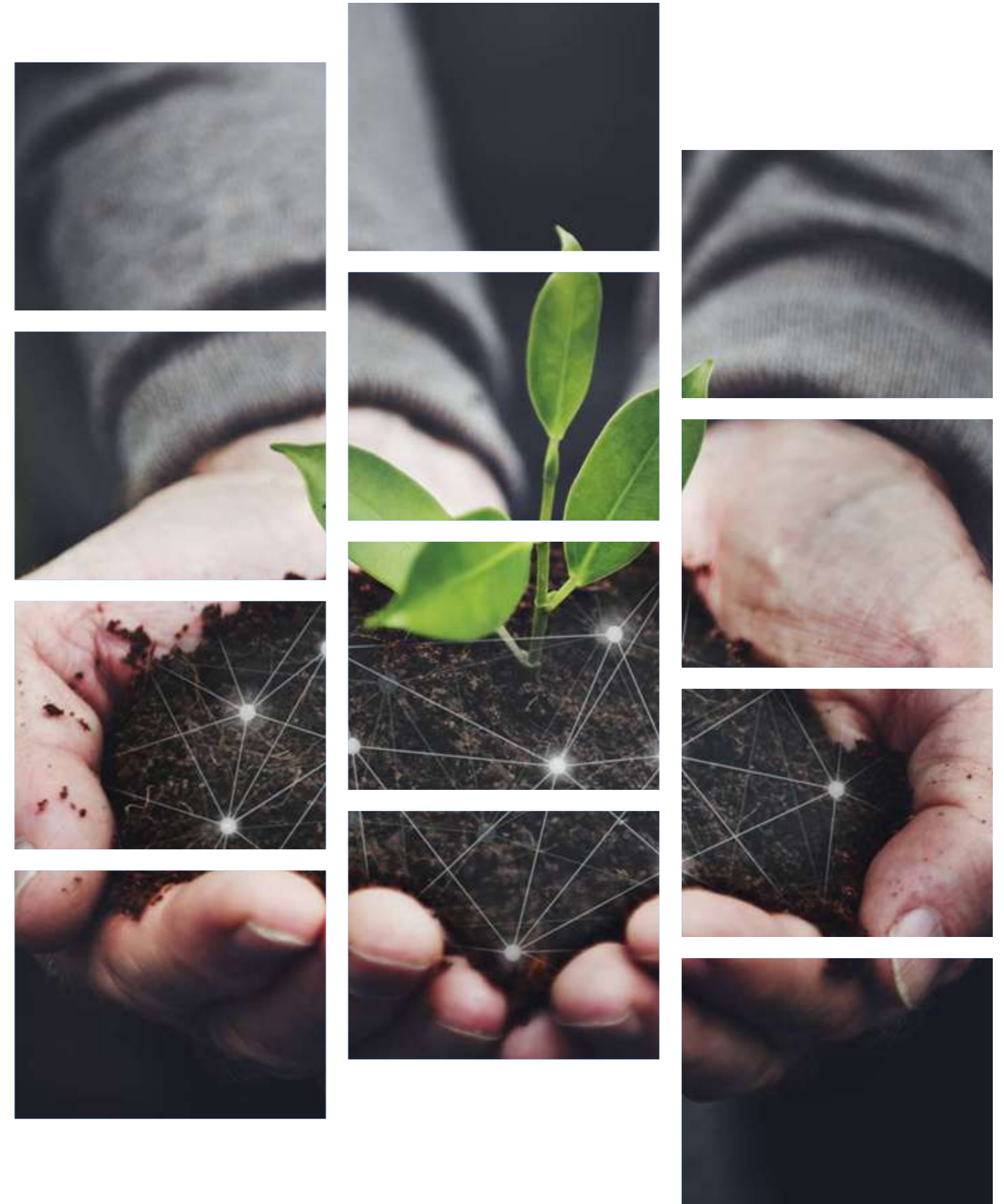
- ☑ Phân bón và nông sản (mì lát) vẫn là hai mặt hàng cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
 - » Phân bón: Công ty chú trọng các loại phân bón mà DOCAM có ưu thế như Kali Nitrat, Kali Sunfat,... Đối với phân Urê, Kali, Công ty áp dụng chính sách mua nhập kho từng đợt và hạn chế tồn trữ. Đối với phân NPK cao cấp/đặc chủng, Công ty xem xét nhập khẩu để cung ứng cho thị trường chuyên biệt.
 - » Mì lát: thực hiện tốt việc giao hàng cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi; đồng thời tích cực, nỗ lực tìm kiếm thêm đầu ra để gia tăng được sản lượng kinh doanh.
- ☑ Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động dịch vụ cho thuê kho thời vụ ngắn hạn để bổ sung nguồn thu, tránh lãng phí cơ sở vật chất.
- ☑ Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt.
- ☑ Rà soát, tổ chức lại bộ máy, đội ngũ nhân sự và hệ thống phân phối: thực hiện sắp xếp bộ máy nhân sự/hệ thống phân phối, lao động phù hợp với tình hình thực tế thị trường theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.
Tập trung quản trị vốn được giao nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty và cổ đông.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- » Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của Công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, Công ty sẽ lập hồ sơ báo cáo đề án xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho theo quy định hiện hành.
- » Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới tốn kém, không hiệu quả, có thể lựa chọn phương án không đầu tư cơ sở mới khi phải di dời, mà tiến hành thuê văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG



Trách nhiệm đối với môi trường là một trong những thước đo đánh giá sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đây là trách nhiệm liên quan đến sự tồn tại của Công ty trong tương lai. Công ty luôn ý thức áp dụng cách chính sách thân thiện với môi trường, tăng cường quản lý chất thải và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và pháp luật quy định liên quan đến môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng còn đưa ra các chính sách và phương pháp để khuyến khích thúc đẩy các hoạt động bảo vệ môi trường trong nội bộ như tăng cường thông tin cho khách hàng và nhà cung cấp về các sản phẩm, hoạt động sản xuất và kinh doanh thân thiện với môi trường, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng,...

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi và an toàn cho người lao động. Tại DOCAM, người lao động được trang bị đầy đủ dụng cụ, máy móc, thiết bị để đáp ứng nhu cầu công việc. Nhân viên được cung cấp đầy đủ thông tin về quy định, thủ tục liên quan đến người lao động, được đào tạo đầy đủ trước khi thực hiện công việc. Công ty trả lương và các phúc lợi phù hợp với công việc và năng lực của công nhân viên. Công ty luôn tôn trọng quyền lợi của người lao động như quyền nghỉ phép, bảo hiểm và các chế độ khác, cơ hội phát triển nghề nghiệp.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một khía cạnh rất quan trọng của hoạt động kinh doanh hiện đại. Công ty luôn tôn trọng và hỗ trợ các giá trị xã hội, văn hóa ở địa phương. Hoạt động kinh doanh của Công ty không gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe người dân trong cộng đồng, tạo việc làm ổn định, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực địa phương.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



01

Về tình hình kinh doanh

Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động Công ty nỗ lực hết sức để vượt qua thách thức, khó khăn, tạo đà tăng trưởng trong thời gian tiếp theo.

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch ĐHCĐ giao phó, cụ thể:

- » Doanh thu thuần đạt 369,87 tỷ đồng, vượt 33% kế hoạch, tăng 9,91% so với năm 2021;
- » Lợi nhuận sau thuế đạt 17,821 tỷ đồng, vượt 271% kế hoạch, tăng 20,44% so với năm 2021.

02

Về công tác môi trường

Bảo vệ môi trường luôn là vấn đề mà DOCAM quan tâm, công tác bảo vệ môi trường không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty mà còn tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, trong những năm qua, DOCAM luôn chú trọng tìm kiếm và thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn khuyến khích toàn thể cán bộ công nhân viên bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty cũng tăng cường phổ biến rộng rãi chính sách bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên để nâng cao nhận thức của mọi người.

03

Về công tác quản lý, điều hành

Năm 2022 khép lại với nhiều khó khăn, thách thức đan xen thời cơ từ những sự kiện trên thế giới như chiến tranh giữa Nga và Ukraine, nguồn cung Kali bị ngưng trệ từ Nga, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy,... cùng với các biến động của thị trường phân bón, nông sản. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng bộ máy nhân sự Công ty vẫn đảm bảo hoạt động ổn định, duy

trì được thị phần và bảo toàn vốn cho các cổ đông. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn cập nhật thông tin và đề ra các chủ trương, biện pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, bám sát thị trường. Hội đồng quản trị Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2022, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã có những định hướng, kế hoạch phát triển đúng đắn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động kinh doanh đảm bảo mục tiêu một cách tiết kiệm và hiệu quả. Mặc dù năm vừa qua gặp nhiều khó khăn, thách thức từ thị trường phân bón thế giới và Việt Nam, ảnh hưởng tiêu cực từ chiến tranh của Nga và Ukraine,

lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng gây xáo trộn nhiều mặt đời sống xã hội và vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Điều hành đã cố gắng tối đa, nỗ lực điều hành một cách cẩn trọng và có hiệu quả rõ rệt. Ban Điều hành đã tạo được niềm tin cho khách hàng và giữ vững thương hiệu trên địa bàn tỉnh nhà cũng như tại các địa phương lân cận.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty. Đặt mục tiêu an toàn, hiệu quả, không chạy theo số lượng để dẫn đến rủi ro cao trong năm 2023;
- » Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế;
- » Tiếp tục mua bán nông sản (khoai mì) song có điều chỉnh phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế. Hình thức kinh doanh mì lát năm 2023 chủ yếu là mua ngay bán ngay khi có cơ hội; kết hợp với hình thức mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các Nhà máy thức ăn chăn nuôi.
- » Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cố gắng phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã đề ra.





+ 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

+

+



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT chuyên trách
2	Cao Hùng La	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

LÝ LỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem phần II. Tổ chức và nhân sự

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2022

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty chưa có sự thay đổi nào về Hội đồng quản trị

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành doanh nghiệp đều báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch (kinh doanh nông sản, phân bón quý I, quý II, quý III và quý IV); việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; đề xuất các nội dung trình Hội đồng quản trị xem xét.

Ngoài người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trực tiếp quản lý, điều hành Công ty, một thành viên trong Ban Điều hành (Phó Giám đốc) cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị đều có báo cáo cụ thể phần việc được phân công trong các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đối với một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là người đại diện phần vốn Công ty mẹ, chịu trách nhiệm cùng giám sát hoạt động của Ban Điều hành để đảm bảo không đi chệch mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty. Do đó, tất cả các hoạt động của Ban Điều hành được giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng quy định theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty có 1 Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc và 1 Trưởng ban kiểm soát tham gia Hội nghị tập huấn giới thiệu điểm mới của Luật Chứng khoán do Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức tại Biên Hòa ngày 14/9/2022.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6/6	100%
2	Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	6/6	100%
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	6/6	100%



NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
Biên bản họp HĐQT	30/03/2022	Biên bản họp HĐQT Quý I/2022, nội dung: - Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán và dự kiến phân phối lợi nhuận 2021 trình ĐHĐCĐ. - Các giải pháp thực hiện Kế hoạch năm 2022. - Báo cáo thực hiện SXKD quý I và dự kiến một số công việc Quý II/2022. - Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022. - Các công việc khác thuộc thẩm quyền.
27/NQ.HĐQT	06/04/2022	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022: + Ngày chốt danh sách: 27/4/2022 + Ngày tổ chức Đại hội: tháng 6/2022
Biên bản họp HĐQT	27/06/2022	Biên bản họp HĐQT Quý II/2022, nội dung: - Báo cáo ước thực hiện SXKD đến 30/6/2022; Một số công việc chủ yếu trong thời gian tới; - Chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức năm 2021; - Về thống nhất chủ trương, nguyên tắc vay vốn tín dụng Ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh trong 12 tháng; - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
28/NQ-HĐQT	27/06/2022	Nghị quyết về việc phân bổ tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng - Phúc lợi người lao động năm 2021
29/NQ-HĐQT	27/06/2022	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021

Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
Biên bản họp HĐQT	30/08/2022	Biên bản họp HĐQT quý III/2022, nội dung: + Báo cáo kết quả SXKD quý II, ước thực hiện đến 30/9/2022. + Về vay vốn tín dụng Ngân hàng phục vụ SXKD công ty. + Nội dung khác (di dời Văn phòng công ty khỏi KCN Biên Hòa 1, quyết định lưu hành phân bón).
30/NQ-HĐQT	30/08/2022	Nghị quyết HĐQT v/v Vay tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương Đồng Nai
Biên bản họp HĐQT	08/11/2022	Biên bản họp HĐQT quý IV/2022, nội dung: + Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng; một số hoạt động chủ yếu trong quý IV/2022. + Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023. + Bàn chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. + Thảo luận, chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. + Thảo luận, lựa chọn phương án đầu tư trụ sở chính của công ty khi phải di dời khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.
31/NQ-HĐQT	08/11/2022	Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (tỷ lệ 4,5% mệnh giá CP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
Biên bản họp HĐQT	17/11/2022	Biên bản họp HĐQT v/v bàn thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông theo thể thức Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh (thêm chi tiết ngành nghề Bán buôn hóa chất)
32/NQ-HĐQT	17/11/2022	Nghị quyết HĐQT v/v thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông theo thể thức Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh (thêm chi tiết ngành nghề kinh doanh bán buôn hóa chất)
Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21/12/2022	Phiếu lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông v/v sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh (thêm chi tiết ngành nghề bán buôn hóa chất)

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát

LÝ LỊCH CỦA BAN KIỂM SOÁT

Xem phần II.Tổ chức và nhân sự

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty chưa có sự thay đổi nào về Ban kiểm soát

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông**

Ban kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, ngoài việc tham gia họp, giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và thẩm định số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022.

Đồng thời Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Ban kiểm

soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và việc tuân thủ các quy định Pháp luật.

Trong hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty, qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện tốt hơn. Trước khi tiến hành các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đều có thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành được biết và hỗ trợ trong việc bố trí nơi họp, cung cấp hồ sơ, chứng từ và nhân sự tham gia.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát, thể hiện cụ thể như sau:

- » Các thông báo mời họp Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
- » Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát đồng thời với thời điểm gửi Ban điều hành theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ Công ty;
- » Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022, Hội đồng quản trị đã phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ Công ty.

Đồng thời Ban kiểm soát cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ đối với Hội đồng quản trị, thể hiện như sau:

- » Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- » Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, nếu cần thiết, Ban kiểm soát đề nghị hoặc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát soạn thảo, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Thành viên Ban kiểm soát.



CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	18/03/2022	Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021
2	02/BB-BKS	16/09/2022	Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng năm 2022

LƯƠNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

DVT: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Các khoản lợi ích khác
Hội đồng quản trị				
Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	597.777.846	-	-
Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	-
Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-
Ban kiểm soát				
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS	269.335.720	-	-
Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS	-	27.500.000	-
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	-	27.500.000	-
Ban Tổng Giám đốc				
Cao Hùng Lai	Phó giám đốc	410.338.741	-	-
Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	352.149.052	-	-



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn	Số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27/01/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 05/07/2021	Số 14, Đường 21 tháng 4, Phường Xuân Tân, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2022	-	Bán hàng: 1.390.617.500 đồng
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Số 3800426402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2023	Đường 9 KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2022	-	Mua hàng: 1.997.147.600 đồng Dịch vụ cân xe: 1.795.943 đồng

Số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ

về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.753.490.086	125.030.211.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.204.387.477	2.498.827.903
1. Tiền	111	4.1	8.204.387.477	2.498.827.903
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		108.500.000.000	49.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	108.500.000.000	49.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.484.319.400	25.187.801.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	6.447.956.666	27.943.983.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.192.206	105.297.021
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		296.274.397	123.172.191
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.284.103.869)	(2.984.651.234)
IV. Hàng tồn kho	140		7.373.240.760	48.223.131.029
1. Hàng tồn kho	141	4.4	8.317.018.915	48.968.117.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(943.778.155)	(744.986.547)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		181.542.449	120.451.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		181.542.449	120.451.080
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.711.914.538	1.458.188.851
I. Tài sản cố định	220		980.104.154	1.449.561.192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	980.104.154	1.449.561.192
Nguyên giá	222		27.186.129.977	27.233.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.206.025.823)	(25.783.568.785)
II. Tài sản dài hạn khác	260		731.810.384	8.627.659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		663.655	8.627.659
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		731.146.729	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		129.465.404.624	126.488.400.191

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.411.208.607	11.120.075.132
I. Nợ ngắn hạn	310		15.411.208.607	11.120.075.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		595.367.381	2.131.358.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		684.826.422	535.256.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	481.619.655	471.556.023
4. Phải trả người lao động	314	4.8	2.895.737.577	2.568.965.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	3.528.816.984	3.538.124.696
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		224.976.372	255.069.130
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	6.241.065.636	1.360.785.250
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		758.798.580	258.960.011
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.054.196.017	115.368.325.059
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	114.054.196.017	115.368.325.059
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.486.188.112	14.800.317.154
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		165.294.154	3.246.018
LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.320.893.958	14.797.071.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		129.465.404.624	126.488.400.191



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	369.870.327.538	336.507.879.219
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		369.870.327.538	336.507.879.219
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	332.427.852.959	302.808.688.823
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.442.474.579	33.699.190.396
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.649.584.477	3.854.251.460
6. Chi phí tài chính	22	5.4	328.670.306	384.079.167
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>86.015.390</i>	<i>364.634.669</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	12.360.810.115	6.613.034.495
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	6.961.209.805	12.078.308.438
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.441.368.830	18.478.019.756
10. Thu nhập khác	31		82.498.617	35.319.164
11. Chi phí khác	32		180.000.000	-
12. Lợi nhuận khác	40		(97.501.383)	35.319.164
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.343.867.447	18.513.338.920
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	5.254.120.218	3.716.267.784
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	(731.146.729)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.820.893.958	14.797.071.136
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.3	1.523	1.356
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.4	1.523	1.356



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.343.867.447	18.513.338.920
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	469.457.038	622.092.592
Các khoản dự phòng	03		498.244.243	3.552.895.637
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	235.021.416	19.138.469
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.394.891.010)	(3.332.224.440)
Chi phí lãi vay	06	5.4	86.015.390	364.634.669
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.237.714.524	19.739.875.847
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.394.029.293	(19.015.910.082)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.651.098.661	(5.817.934.992)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.013.541.055)	3.679.963.436
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(53.127.365)	(86.602.554)
Tiền lãi vay đã trả	14		(86.015.390)	(364.634.669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.7	(5.307.040.257)	(3.772.464.684)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(735.184.431)	(413.438.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		74.087.933.980	(6.051.146.253)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(160.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.500.000.000	14.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.394.891.010	3.332.224.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.105.108.990)	17.832.224.440

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	34.137.679.500	69.888.030.600
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(34.137.679.500)	(78.393.656.600)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.042.244.000)	(2.935.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.042.244.000)	(11.440.646.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		5.940.580.990	340.432.187
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.498.827.903	2.177.534.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(235.021.416)	(19.138.469)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	8.204.387.477	2.498.827.903



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
Cộng		100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37 (31/12/2021: 37).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Quốc Lộ 20, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Quốc Lộ 1, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tên	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Tỉnh lộ 768, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 25 năm
- Máy móc thiết bị 05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 06 năm

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống, phân bón: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	192.351.025	271.923.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.012.036.452	2.226.904.233
Cộng	8.204.387.477	2.498.827.903

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất từ 6,2% đến 8,54%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.439.088.179	5.615.878.179
Công ty Cổ Phần Phân Bón & Hoá Chất Cần Thơ	1.036.450.000	4.055.589.506
Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang	-	9.720.000.000
Các khách hàng khác	972.418.487	8.552.515.665
Cộng	6.447.956.666	27.943.983.350

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.244.270.785	-	24.108.693.886	-
Công cụ, dụng cụ	91.339.553	-	540.959.658	-
Hàng hóa	5.466.295.292	(943.778.155)	23.701.568.746	(744.986.547)
Hàng gửi bán	515.113.285	-	616.895.286	-
Cộng	8.317.018.915	(943.778.155)	48.968.117.576	(744.986.547)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	4.615.830.323	1.331.726.454	5.792.620.323	2.807.969.089

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.439.088.179	1.331.726.454	5.615.878.179	1 năm – 2 năm
Các khách hàng khác	176.742.144	-	176.742.144	Trên 3 năm
Cộng	4.615.830.323	1.331.726.454	5.792.620.323	2.807.969.089

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	24.050.623.303	1.737.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.233.129.977
Thanh lý	-	(47.000.000)	-	-	(47.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	23.163.852.979	1.733.617.111	795.775.059	90.323.636	25.783.568.785
Khấu hao trong năm	364.001.214	3.825.832	101.629.992	-	469.457.038
Thanh lý	-	(47.000.000)	-	-	(47.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	23.527.854.193	1.690.442.943	897.405.051	90.323.636	26.206.025.823
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	886.770.324	3.825.832	558.965.036	-	1.449.561.192
Tại ngày 31/12/2022	522.769.110	-	457.335.044	-	980.104.154

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.830.893.470 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.822.910	166.540.566	163.750.480	26.032.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	386.764.564	5.254.120.218	5.307.040.257	439.684.603
Thuế thu nhập cá nhân	66.032.181	479.427.266	419.233.681	5.838.596
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	198.867.479	198.867.479	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	481.619.655	6.107.955.529	6.097.891.897	471.556.023

4.8. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.9. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích tiền thuế đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	108.104.755	117.412.467
Cộng	3.528.816.984	3.538.124.696

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.217.949.000	1.360.193.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.116.636	592.250
Cộng	6.241.065.636	1.360.785.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	100.000.000.000	568.007.905	3.353.246.018	103.921.253.923
Lãi trong năm trước	-	-	14.797.071.136	14.797.071.136
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	568.007.905	14.800.317.154	115.368.325.059
Lãi trong năm nay	-	-	17.820.893.958	17.820.893.958
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.235.023.000)	(1.235.023.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.900.000.000)	(17.900.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	100.000.000.000	568.007.905	13.486.188.112	114.054.196.017

4.11.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.11.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	17.820.893.958	14.797.071.136
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.591.000.000)	(1.235.023.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.229.893.958	13.562.048.136
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.523	1.356

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	17.820.893.958	14.797.071.136
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.591.000.000)	(1.235.023.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.229.893.958	13.562.048.136
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.523	1.356

4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	318.758,16	4.006,91

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	367.044.972.553	333.985.353.515
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.825.354.985	2.522.525.704
Cộng	369.870.327.538	336.507.879.219
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	1.390.617.500	867.445.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	332.229.061.351	302.063.702.276
Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	198.791.608	744.986.547
Cộng	332.427.852.959	302.808.688.823

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	4.394.891.010	3.245.442.562
Lãi bán hàng trả chậm	254.693.467	81.019.878
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	527.789.020
Cộng	4.649.584.477	3.854.251.460

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	86.015.390	364.634.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.633.500	306.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	235.021.416	19.138.469
Cộng	328.670.306	384.079.167

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	4.190.870.630	3.583.229.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.827.046	520.462.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	7.378.350.329	2.265.228.053
Các khoản chi phí khác	423.762.110	244.114.842
Cộng	12.360.810.115	6.613.034.495

(*) Trong đó, chi phí dịch vụ cân xe từ bên liên quan - Xem thêm Mục 8

1.795.943	3.154.492
-----------	-----------

(*) Chi phí bán hàng tăng đáng kể chủ yếu từ chi phí dịch vụ mua ngoài. Do năm 2022, Công ty tập trung vào thị trường xuất khẩu phân bón dẫn đến phát sinh tăng mạnh các chi phí vận chuyển, kiểm định, bốc dỡ hàng hoá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.299.164	107.593.031
Chi phí nhân viên	4.290.357.500	3.729.299.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.629.992	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	283.059.716	557.649.815
Chi phí dự phòng	299.452.635	2.807.909.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.280.663.805	4.351.668.758
Các khoản chi phí khác	547.746.993	422.557.927
Cộng	6.961.209.805	12.078.308.438

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm đáng kể vì năm trước Công ty có trích bổ sung tiền thuê đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT và trích chi phí dự phòng phải thu khó đòi.

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá mua hàng hóa	307.195.140.055	294.148.513.512
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.520.986.281	8.441.215.928
Chi phí nhân công	8.481.228.130	7.312.528.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.457.038	622.092.592
Chi phí dự phòng	498.244.243	3.552.895.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.086.211.112	6.614.078.677
Chi phí khác bằng tiền	498.606.020	808.706.585
Cộng	351.749.872.879	321.500.031.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.343.867.447	18.513.338.920
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
▪ Thù lao HĐQT+Ban KS không trực tiếp điều hành	91.000.000	68.000.000
▪ Phạt vi phạm hành chính	180.000.000	-
▪ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	235.021.416	-
▪ Trích tiền thuế đất từ 2006 đến 2017 (chưa chi trả)	3.420.712.229	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	26.270.601.092	18.581.338.920
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.254.120.218	3.716.267.784

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lỗi do chênh lệch tỷ giá VND	Trích trước phải trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(47.004.283)	(684.142.446)	(731.146.729)
Tại ngày 31/12/2022	(47.004.283)	(684.142.446)	(731.146.729)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	34.137.679.500	69.888.030.600

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(34.137.679.500)	(78.393.656.600)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

	Đồng Nai		TP.Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu	338.560.888.038	266.374.940.719	31.309.439.500	70.132.938.500	369.870.327.538	336.507.879.219
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	37.418.326.079	33.610.638.396	24.148.500	88.552.000	37.442.474.579	33.699.190.396
Thu nhập tài chính					4.649.584.477	3.854.251.460
Chi phí tài chính					(328.670.306)	(384.079.167)
Chi phí bán hàng					(12.360.810.115)	(6.613.034.495)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(6.961.209.805)	(12.078.308.438)
Lợi nhuận khác					(97.501.383)	35.319.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(5.254.120.218)	(3.716.267.784)
Lợi nhuận sau thuế					17.820.893.958	14.797.071.136

	Đồng Nai		TP.Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản của bộ phận	129.465.404.624	126.488.400.191	-	-	129.465.404.624	126.488.400.191
Nợ phải trả của bộ phận	15.411.208.607	11.120.075.132	-	-	15.411.208.607	11.120.075.132

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.
 Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng – Xem thêm Mục 5.1		
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	1.390.617.500	867.445.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1.997.147.600	-
Chi phí dịch vụ cân xe – Xem thêm Mục 5.5		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1.795.943	3.154.492

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch	597.777.846	359.978.846
Ông Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch, Phó Giám đốc	410.338.741	285.619.231
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên	36.000.000	21.000.000
Cộng		1.044.116.587	666.598.077

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đoàn Tuấn Anh – Trưởng ban	269.335.720	161.498.077
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa – Thành viên	27.500.000	21.500.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thành viên	27.500.000	-
Cộng	324.335.720	182.998.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2022 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 31/12/2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản cố định hữu hình	1.449.561.192	1.256.361.192
Nguyên giá	27.233.129.977	26.911.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	(25.783.568.785)	(25.654.768.785)
Chi phí trả trước dài hạn	8.627.659	115.961.003
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	471.556.023	454.382.692
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.800.317.154	14.731.623.829
LNST chưa phân phối năm nay	14.797.071.136	14.728.377.811

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	6.613.034.495	6.698.901.151
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.478.019.756	18.392.153.100
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.513.338.920	18.427.472.264
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.716.267.784	3.699.094.453
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.797.071.136	14.728.377.811
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.356	1.349
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.356	1.349

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	18.513.338.920	18.427.472.264
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	622.092.592	493.292.592
Tăng giảm chi phí trả trước	(86.602.554)	128.064.102

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty điều chỉnh hồi tố phân loại lại chi phí đổ bê tông kho nông sản thành tài sản cố định và nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Biên bản thanh tra của Bộ tài chính vào ngày 27 tháng 5 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



**Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Người lập

**Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng**



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

Đồng Nai, ngày 18 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHAN THỊ ANH THY